

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST

Ngày 04-02-2026

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thường.

2. Ông Phạm Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy, Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2025 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/01/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị Q, sinh năm 1978; căn cước công dân: 02017800**** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/11/2022; địa chỉ: Số nhà 13, thôn P, phường T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*** Người bảo vệ quyền và lợi, ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Ông Đinh Công Tuấn - Luật sư thuộc văn phòng luật sư Đinh Công Tuấn, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Vy Thế Đ, sinh năm 1981; căn cước công dân: 02008100**** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/4/2021; địa chỉ: thôn L, xã N, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Chu Thị Q trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Vy Thế Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có được tìm hiểu, yêu thương trước khi kết hôn, vợ chồng đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 09/02/2022. Do thời điểm đó đang dịch bệnh Covid-19 nên anh, chị không tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống mà về chung sống tại thôn L, xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn L, xã N, tỉnh Lạng Sơn) cùng với mẹ chồng là bà Phạm Thị O.

Do vợ chồng mỗi người đi làm một nơi, thì thoảng tháng mới về nhà gặp nhau một lần; đến khoảng giữa năm 2022 thì anh Vy Thế Đ bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn, đến năm 2024 thì mới trở về. Trong thời gian anh Vy Thế Đ đi cai nghiện, chị sinh con chung Vy Thị Phương L và vẫn chung sống cùng với mẹ chồng Phạm Thị O.

Đến ngày 13/5/2024 thì cháu Vy Thị Phương L chết do bị bệnh, sau khi cai nghiện, anh Vy Thế Đ trở về nhà, do sự việc con chung bị chết dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng ngày càng xa cách, chị tiếp tục đi làm xa trên Lạng Sơn, tình cảm ngày càng phai nhạt.

Từ tháng 6/2025 vợ chồng chị chính thức ly thân, chị chuyển lên Lạng Sơn sinh sống, còn anh Vy Thế Đ vẫn sống cùng mẹ đẻ tại thôn L, xã N, tỉnh Lạng Sơn.

Vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Vy Thế Đ.

Về con chung: Chị và anh Vy Thế Đ có 01 con chung là cháu Vy Thị Phương L, sinh ngày 02/01/2023, đã chết ngày 13/5/2024; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị và anh Vy Thế Đ không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Bị đơn anh Vy Thế Đ đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đảm bảo đúng quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát là đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và

nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết vụ án; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Q về việc xin ly hôn với anh Vy Thế Đ.

Về con chung: Hiện không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Chu Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn L, xã N, tỉnh Lạng Sơn, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lạng Sơn.

[3] *Xem xét yêu cầu khởi kiện, về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời khai, lời trình bày, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập; có đủ cơ sở để xác định chị Chu Thị Q và anh Vy Thế Đ trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ năm 2024 do anh Vy Thế Đ vướng vào tệ nạn ma túy, phải đi cai nghiện bắt buộc; khi anh Vy Thế Đ trở về thì con chung đã chết nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khi vợ chồng sống xa cách, không quan tâm đến nhau và chính thức ly thân từ tháng 6/2025 cho đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập để lấy lời khai, hòa giải đoàn tụ nhưng anh Vy Thế Đ mặc dù đã được thông báo nhưng cố tình không đến Tòa án để mặc chị Chu Thị Q tự giải quyết.

[5] Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trong một thời gian dài, kể từ khi ly thân bản thân người chồng không có biện pháp hòa giải mâu thuẫn gia

đình, khi vợ khởi kiện xin ly hôn cũng không tích cực phối hợp để hòa giải và cũng không đưa ra được căn cứ, biện pháp hóa giải mâu thuẫn, sửa chữa sai lầm để đoàn tụ gia đình.

[6] Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng trong suốt thời gian dài, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ, bỏ mặc nguyên đơn tự giải quyết tại Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho ly hôn.

[7] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Vy Thị Phương L, sinh ngày 02/01/2023, tuy nhiên đã chết ngày 13/5/2024 do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng, cùng quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266; 271; 272; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Quan hệ hôn nhân.

Xử cho chị Chu Thị Q được ly hôn với anh Vy Thế Đ.

(Đăng ký kết hôn số 03/2022, ngày 09/02/2022, tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nay là xã N, tỉnh Lạng Sơn)

2. Con chung.

Hiện không có.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí.

Chị Chu Thị Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước; xác nhận chị Chu Thị Q đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000565 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 4 – Lạng Sơn;
- UBND xã N, tỉnh Lạng Sơn;
- Dương sự;
- Lưu Tòa, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường